

**HIỆU QUẢ KHỞI PHÁT CHUYÊN DẠ
CỦA MISOPROSTOL ĐẶT DƯỚI LƯỚI
Ổ THAI 23- 27 TUẦN Ở VỖ NON
CÓ CHỈ ĐỊNH CHẤM DỨT THAI KỲ.**

LUẬN ÁN CHUYÊN KHOA II

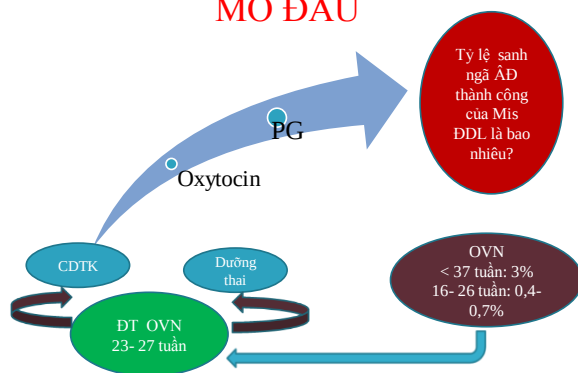
Người HD: PGS TS Lê Hồng Cẩm

HV: Trần Thị Nhật Thiên Trang

NỘI DUNG

1. MỞ ĐẦU VÀ MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU
2. TỔNG QUAN Y VẤN
3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN
5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

MỞ ĐẦU



MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

MỤC TIÊU CHÍNH

- Xác định tỷ lệ sanh ngã ÂĐ thành công trong 24 giờ sau ĐDL Mis ở thai 23- 27 tuần OVN có CD CDTK

MỤC TIÊU PHỤ

- Xác định tỷ lệ tác dụng không mong muốn và tác dụng có hại của Mis

TỔNG QUAN Y VẤN

• Đại cương OVN

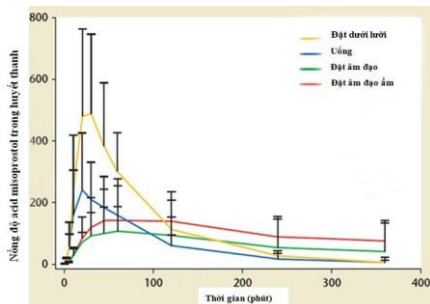
- Định nghĩa
- Nguyên nhân
- Diễn tiến
 - 50% duy trì TK 1 tuần, 73- 88% sanh trong vòng 28 ngày.
 - Viêm màng ối: 8- 77%.
- Chẩn đoán
 - LS
 - CLS
- ĐT:
 - ĐT tri hoàn
 - CDTK

TỔNG QUAN Y VẤN

• Đại cương về PG

- Dược lý của Mis
 - PGE1, TLPT: 328,5g/mol.
- Dược động học của Mis theo đường sử dụng.
- Tác dụng không mong muốn
 - HC DD- ruột.
 - Sốt: 5- 88%
- Tác dụng có hại: vỡ TC.
- CCD
 - **Tuyệt đối:** Nguy cơ vỡ TC cao, dị ứng PG, RL huyết động, RLDM
 - **Tương đối:** Nguy cơ vỡ TC trung bình, đang cho con bú.

DƯỢC ĐỘNG HỌC CỦA MIS



Nồng độ trong huyết thanh của MPA theo các đường sử dụng

Nguồn: Tang OS, Gemzell-Danielsson K, Ho PC (2007) Misoprostol: pharmacokinetic profiles, effects on the uterus and side-effects. Int J Gynaecol Obstet;99 (2):S160.[63]

TỔNG QUAN Y VẤN

• KPCD đối với TCN II

- Theo hướng dẫn QG về cung cấp DV CSSKSS
- Tham khảo các NC trên TG
 - So sánh hiệu quả KPCD của Mis và các PP khác
 - So sánh hiệu quả giữa các loại PG
 - So sánh hiệu quả của Mis qua các đường sử dụng
 - So sánh hiệu quả Mis qua các liều sử dụng đối với đường ĐDL
 - Lựa chọn điểm Bishop
- Các NC tại VN

ĐỐI TƯỢNG VÀ PP NC

- **Thiết kế NC:** Báo cáo hàng loạt ca
- **Chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ
- **Đối tượng NC**

Dân số MT: SP 23- 27 tuần, OVN, có CD CDTK

Dân số NC: SP 23- 27 tuần, OVN đến sanh tại BV Từ Dũ từ 11/ 2011 đến 5/2012

Dân số chọn mẫu: SP 23- 27 tuần, OVN, có CD CDTK, thỏa ĐK NC, đồng ý tham gia

TIÊU CHUẨN CHỌN MẪU

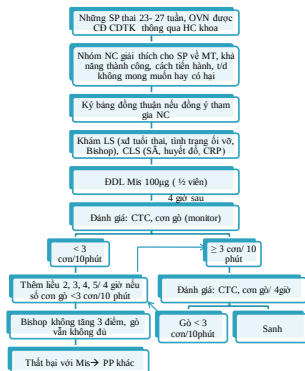
• Nhận vào

- SP có tuổi thai 23- 27 tuần, OVN có CD CDTK
- Đơn thai
- Bishop ≤ 4 điểm
- Con gò < 3 con/10 phút
- Đồng ý tham gia NC

• Loại trừ

- Không thỏa tiêu chuẩn nhận vào
- Có CCD KPCD hay sanh ngả ÂĐ (VMC, NTĐ, ngôi ngang)
- Có CCD của Mís
- Có CCD với salbutamol

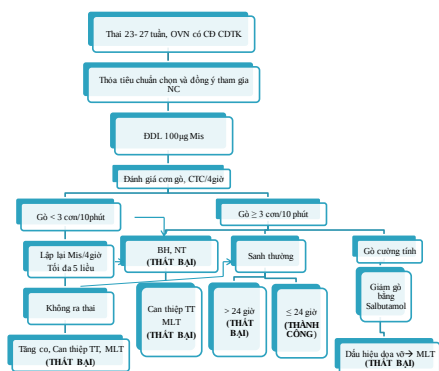
CÁCH TIẾN HÀNH



CÁCH TIẾN HÀNH

- Các SP được KT NĐ/2 giờ, huyết đồ/6 giờ và những tác dụng không mong muốn
→ dùng thuốc giảm triệu chứng.
- Sốt kèm theo CT BC tăng nhiều, CPR tăng, nước ối có mùi hôi
→ ngưng đặt thuốc → HC khoa để XT.
- Nhóm NC: 1 BS và 4 NHS

SƠ ĐỒ NGHIÊN CỨU



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Thời gian đánh giá NC: Thời gian tối đa là 24 giờ

• Thành công

- Sanh ngã ẤĐ trong 24 giờ sau KPCD bằng Mis mà không dùng thêm 1 PP nào khác

• Thất bại: khi có một

- trong các ĐK sau
- Chưa sanh sau 24 giờ KPCD bằng Mis
- Ra huyết ẤĐ nhiều ảnh hưởng tổng trạng BN
- Có dấu hiệu NT nặng
- Có tác dụng có hại

XỬ LÝ SỐ LIỆU

Thu thập: bảng số liệu

Nhập- xử lý: phần mềm SPSS 16.0

Mô tả: các tỷ lệ, Phân tích: các phép kiểm

Khoảng tin cậy 95%

Y ĐÚC

- Chỉ thực hiện những ca có CD CDTK
- Mis đã chứng minh tính an toàn (ACOG 2000, HDQG 2010)

- Không phân biệt đối xử
- Tự nguyện, thông tin được bảo mật

- Tuân thủ các quy định của PD thực hành LS chuẩn
- Được duyệt bởi BM Sản ĐHYD, HDKH BV

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

• Đầu 11/ 2011- đầu 5/2012:

- Hơn 27.000 ca đến sanh tại BV
- 3241 (12%) ca OVN
- OVN TCN II: 330 ca (1,2%)
- OVN ở tuổi thai 23- 27 tuần có 93 cas (0,34%)
- 49 ca thỏa ĐK NC

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN**• ĐDDTH của đối tượng NC**

Đặc điểm	Tổng (n= 49)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi:		
≤ 20 tuổi	6	12,3
21- 30 tuổi	23	46,9
31- 40 tuổi	18	36,7
≥ 41 tuổi	2	4,1
Nơi ở:		
Tp HCM	11	22,5
Thành thị	18	36,7
Nông thôn	20	40,8
Nghề:		
Công nhân viên	16	32,7
Buôn bán	4	8,2
Nông dân	8	16,3
Nô lệ trợ	9	18,4
Khác	12	24,5
Trình độ VH:		
≤ cấp 1	11	22,5
Cấp 2	15	30,6
Cấp 3	17	34,7
> cấp 3	6	12,2

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN**• ĐDDTC sản khoa của các đối tượng NC**

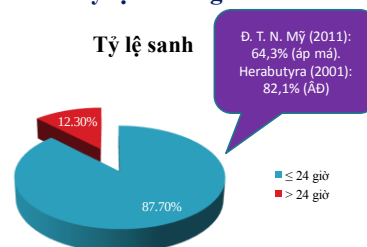
Đặc điểm	Tổng (n= 49)	Tỷ lệ (%)	CI 95%
TC sanh:			
Chưa	31	63,3	60,1- 66,5
≥ 1 lần	18	36,7	34,9- 38,5
TC nạo:			
Không	36	73,5	69,8- 77,2
1 lần	10	20,4	19,4- 21,4
> 1 lần	3	6,1	5,8- 6,4
Khám thai:			
Không	1	2,1	2- 2,2
Tại viện	8	16,3	15,5- 17,1
Ngoại viện	40	81,6	77,5- 85,7
BMI			
Gầy	6	12,3	11,7- 12,9
Trung bình	34	69,4	65,9- 72,9
Dư cân	8	16,3	15,5- 17,1
Béo phì	1	2	1,9- 2,1

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN**Đặc điểm thai kỳ lần này**

Đặc điểm	Tổng (n= 49)	Tỷ lệ (%)	CI 95%
Tuổi thai:			
23- 24 tuần	20	40,8	38,8- 42,8
> 24- 25 tuần	11	22,5	21,4- 23,6
> 25- 26 tuần	10	20,4	19,4- 21,4
> 26- 27 tuần	8	16,3	15,5- 17,1
Chỉ còn lại:			
< 3	29	59,2	56,3- 62,1
3- < 5	5	10,2	9,7- 10,7
≥ 5	15	30,6	29,1- 32,1
Bishop:			
1 điểm	29	59,2	56,2- 62,2
2 điểm	20	40,8	38,8- 42,8
Cơn gò:			
Không	28	57,1	54,3- 60,1
1 cơn	16	32,7	31,1- 34,3
2 cơn	5	10,2	9,7- 10,7
TG OVN:			
≤ 24 giờ	29	59,2	56,3- 62,1
> 24- 48 giờ	10	20,4	19,4- 21,4
> 48 giờ	10	20,4	19,4- 21,4

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN**• Tỷ lệ sanh ngã ÂĐ**

Tỷ lệ sanh



KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

• Tỷ lệ SP sanh theo thời gian tính từ KPCD

Thời gian	Tổng N= 49 (%)	CI 95%	Tỷ lệ cộng dồn
≤ 6 giờ	15 (30,6)	29,1- 32,1	30,6
> 6- 12 giờ	17 (34,7)	33- 36,4	65,3
> 12- 24 giờ	11 (22,4)	21,3- 23,5	87,7
> 24- 48 giờ	4 (8,2)	7,8- 8,6	95,9
> 48 giờ	2 (4,1)	3,9- 4,3	100
Tổng	49 (100)		

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

• Liều Mis sử dụng trong NC

Liều Mis	Tổng N= 49 (%)	CI 95%	Tỷ lệ cộng dồn (%)
1 liều	30 (61,2)	50,1- 64,3	61,2
2 liều	13 (26,6)	17,8- 36,3	87,8
3 liều	5 (10,2)	5,0- 15,1	98
4 liều	1 (0)	0- 4,1	98
5 liều	1 (2)	1,9- 2,1	100
Tổng	49 (100)		

Đ. T. N. Mỹ (2011):
36,3%

Đ. T. N. Mỹ
(2011): 72,9%

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

• Thời gian sanh trung bình theo tuổi thai

Tuổi thai	TG Trung bình (giờ)	Mean diff	CI 95%	P*
23- 24 tuần	14,3 ± 2,6	Ref		
> 24- 25 tuần	17,6 ± 5	- 3,3	-15- 8,3	0,87
> 25- 26 tuần	9,1 ± 1,5	5,2	- 6,9- 17,2	0,66
> 26- 27 tuần	12,3 ± 3,4	2	-11- 15	0,98
Tổng	13,6 ± 1,7			

*One way ANOVA

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

• Liều Mis trung bình được sử dụng theo tuổi thai

Tuổi thai	Mis trung bình	Mean diff	CI 95%	P*
23- 24 tuần	160 ± 16,9	Ref		
> 24- 25 tuần	190,9 ± 39,3	30,9	-114- 52,6	0,76
> 25- 26 tuần	130 ± 15,3	-29,9	-62- 116,2	0,79
> 26- 27 tuần	125 ± 16,4	-35,9	-68,1- 128	0,75
Tổng	155,1 ± 12			

*One way ANOVA

Đ. T. N. Mỹ (2011):
594µg

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

• Kết quả thai kỳ

Kết quả	Tổng (n= 49)	Tỷ lệ (%)	CI 95%
Cân thai:			
≤ 600g	12	24,5	23,3- 25,8
601- 800g	19	38,8	36,9- 40,7
801- 1000g	11	22,4	21,3- 23,5
> 1000g	7	14,3	13,6- 15
Giới tính:			
Trái	29	59,2	56,2- 62,2
Girls	20	40,8	38,8- 42,8
Apgar 1':			
0 điểm	10	22,2	21,1- 23,3
1- 2 điểm	29	63	59,8- 66,2
3- 4 điểm	3	6,7	6,4- 7
5- 6 điểm	3	6,7	6,4- 7
Apgar 5':			
0 điểm	25	55,6	52,8- 58,4
1- 2 điểm	5	11,1	10,5- 11,7
3- 4 điểm	10	22,2	21,1- 23,3
5- 6 điểm	2	4,4	4,2- 4,6
7 điểm	3	6,7	6,4- 7
Máu mắt:			
≤ 50g	11	22,4	21,3- 23,5
51- 100g	36	73,5	69,8- 77,2
101- 150g	1	2	1,9- 2,1
151- 200g	1	2	1,9- 2,1

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

• Tác dụng không mong muốn

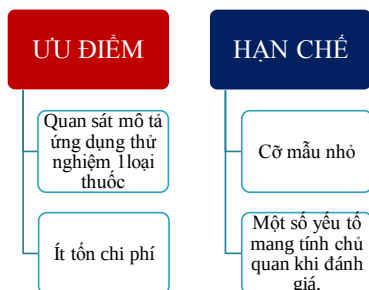
- Không ghi nhận có sốt hay những triệu chứng của dạ dày- ruột.
- Không ca nào có cơn gò > 6 cơn/ 10 phút và không có ca nào bị vỡ tử cung.

• Những biểu hiện sau khi đặt thuốc

Biểu hiện	Tổng n= 49 (%)	CI 95%
Cơn gò sau DDL:		
3 cơn	22 (44,9)	42,7- 47,1
4- 5 cơn	26 (53,1)	50,4- 55,8
6 cơn	1 (2)	1,9- 2,1
Đau bụng:		
Vừa	41 (83,7)	79,5- 87,9
Nhiều	8 (16,3)	15,5- 17,1

BÀN LUẬN VỀ THIẾT KẾ NC

• Báo cáo hàng loạt ca



KẾT LUẬN

- Tỷ lệ thành công sanh ngã ÂĐ trong 24 giờ: 88%
- Tác dụng không mong muốn: ngoài cảm giác đau phụ thuộc vào sự chịu đựng của mỗi cá nhân, không ghi nhận tác dụng không mong muốn nào khác.
 - Không ca BHSS hay vỡ TC

KIẾN NGHỊ

- Mis cho hiệu quả khá tốt, ít tác dụng không mong muốn, chưa ghi nhận tác dụng có hại. Tuy nhiên cần nghiên cứu với cỡ mẫu lớn hơn hay so sánh với nhóm chứng (oxytocin) để NC cho thấy:

→ Tính giá trị cao hơn.

→ Thấy được sự liên quan của các yếu tố khảo sát và khả năng sinh trong vòng 24 giờ

→ Tiên lượng khả năng thành công khi KPCD bằng Mis ở những thai kỳ này.

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN
SỰ LẮNG NGHE CỦA QUÝ THẦY CÔ
VÀ CÁC ĐỒNG NGHIỆP